

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2019/DS-PT  
Ngày: 27-9-2019  
V/v T/c về thực hiện nghĩa vụ  
bảo lãnh

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Khánh

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Thu

Ông Trần Tấn Quốc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Tuyên, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2019/TLPT-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 246/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 172/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số 40/1, Đường Phạm Văn T, Phường X, thành phố Y, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Minh Q, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số 288, ấp 4, xã H, thành phố Y, tỉnh L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1968 và ông Trịnh Quang H1, sinh năm 1965. Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã N, huyện T, tỉnh L.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Phạm Minh Q.

(Bà O và ông Q có mặt tại phiên tòa, bà H và ông H1 vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Ngày 20/12/2017, Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An đã thụ lý vụ án số 238/2017/TLST-DS về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2017 của bà Nguyễn Thị Kiều O có nội dung: Bà O yêu cầu Tòa án

giải quyết buộc bà Lê Thị H, ông Phạm Minh Q và ông Trịnh Quang H1 liên đới trả cho bà O khoản tiền vốn vay 150.000.000đ và tiền lãi. Ngày 15/3/2018, bà O có đơn thay đổi đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng bảo lãnh với nội dung: Bà O yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Minh Q trả khoản tiền vốn vay 150.000.000đ và tiền lãi.

Ngày 02/5/2018, Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An ban hành quyết định số 02/2018/QĐ-VCA chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 05/7/2018, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An thụ lý vụ án số 116/2018/TLST-DS về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo đơn khởi kiện của bà O. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An, nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều O trình bày tóm tắt như sau:

Bà và ông Phạm Minh Q là đồng nghiệp trong Bệnh viện X nên ông Q có hỏi bà để bà cho vợ chồng Lê Thị H và Trịnh Quang H1 vay số tiền 150.000.000đ. Bà cho bà H vay hai lần: Lần 01 là vay 100.000.000đ, lần 02 là 50.000.000đ. Ngày 13/01/2017, bà H viết giấy nợ cho bà, hạn 06 tháng sau trả 50.000.000đ, 02 tháng tiếp theo trả 50.000.000đ, 02 tháng tiếp nữa trả 50.000.000đ. Trong giấy nợ không ghi lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận lãi suất bên ngoài là 3%/tháng. Ngoài việc bà H viết giấy nợ cho bà thì ông Q có viết cam kết bảo lãnh cho bà H khoản vay này. Tuy nhiên từ ngày vay cho đến nay, bà H chưa trả tiền gốc và lãi cho bà, mà hạn rất nhiều lần thể hiện qua giấy hạn ngày 20/7/2017 trả cho bà 50.000.000đ. Tiếp đó, bà H hạn đến tháng 10/2017 hết hạn sẽ trả cho bà 80.000.000đ nhưng đến hạn không thấy bà H trả. Ông Q có nói với bà là ông Q sẽ trả cho bà 10.000.000đ để bà bỏ từ “*bảo lãnh*” trong giấy vay nhưng bà không đồng ý và không có nhận 10.000.000đ từ ông Q. Ngày 20/12/2017, bà đã khởi kiện bà H, ông H1 tại Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, nhưng bà H và ông H1 đã bỏ địa phương đi đâu không rõ. Đến ngày 15/3/2018, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Q thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho bà H là trả cho bà số tiền nợ gốc là 150.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất 0,75%/tháng từ ngày vay cho đến khi xét xử.

*Bị đơn Phạm Minh Q trình bày:* Ông và bà O là đồng nghiệp làm chung cơ quan nên biết bà O có nhu cầu cho vay tiền. Bà H là bạn ông có nhu cầu vay tiền làm ăn nên ông đã giới thiệu bà H cho bà O, giữa hai người có xác lập hợp đồng vay tiền với nhau. Ông có biết và nhận tiền cho bà H 02 lần. Lần 01 ngày 21/7/2014 ông nhận 50.000.000đ từ bà O đưa cho bà H. Lần 02 ngày 28/07/2014 ông có nhận 50.000.000đ từ bà O đưa cho bà H. Lần 50.000.000đ cuối cùng bà O cho bà H vay khi nào thì ông không biết. Lãi suất thực tế là 5%/tháng. Ngày 16/10/2014, ông có nhận 50.000.000đ từ bà H trả cho bà O và bà O có viết giấy xác nhận ông đã trả tiền cho bà O. Theo ông biết thì bà H đóng lãi cho bà O đầy đủ, đến đầu năm 2017 thì bà H chậm đóng lãi và phát sinh việc bà O yêu cầu bà H viết giấy nợ ngày 13/01/2017. Đối với giấy mượn tiền ngày 13/01/2017, ông đã ghi “.... Tôi xin bảo lãnh số tiền trên nếu sai tôi có trách nhiệm liên đới”. Khi ghi nội dung này ông nghĩ ông chỉ có trách nhiệm nhắc nhở, đôn đốc bà H trả nợ cho bà O, nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà O.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Lê Thị H và Trịnh Quang H1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà O.*

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 228, 335, 336, 340, 342 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O.

Buộc ông Phạm Minh Q thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho bà Lê Thị H trả cho bà Nguyễn Thị Kiều O số tiền 182.362.500đ (Một trăm tám mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng); Cụ thể:

Gốc: 150.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng)

Lãi đến ngày 05/6/2019 là: 32.362.500đ (Ba mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng)

Trường hợp ông Phạm Minh Q chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Phạm Minh Q chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.118.125đ (Chín triệu, một trăm mười tám nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng). Bà Nguyễn Thị Kiều O không chịu án phí dân sự sơ thẩm hoàn trả cho bà O 4.031.000đ (Bốn triệu, không trăm ba mươi một nghìn đồng) tạm ứng án phí bà O đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0003051 ngày 20/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và thời hiệu yêu cầu thi hành án đối với các đương sự.

Ngày 17/6/2019, bị đơn Phạm Minh Q kháng cáo không đồng ý toàn bộ quyết định án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày như sau:*

- Bị đơn Phạm Minh Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả tiền cho bà O như bản án sơ thẩm đã xử với lý do: “Ông chỉ bảo lãnh với nghĩa vụ đôn đốc, nhắc nhở bà H trả nợ chứ không có bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ thay cho bà H”. Ông Q thừa nhận tháng 10/2016, ông có vay giùm cho bà H số tiền 100.000.000đ từ bà O, lãi suất 5%/tháng. Đến ngày 13/01/2017, bà O yêu cầu ông ký bảo lãnh số nợ vay của bà H là 150.000.000đ là đã bao gồm số tiền 100.000.000đ ông đã vay giùm cho bà H vào tháng 10/2016, tại thời điểm làm giấy vay và bảo lãnh ngày 13/01/2017, thì ông có nghe bà O và bà H thỏa thuận miệng mức lãi suất là 5%/tháng.

- Nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều O xác định khoản vay 150.000.000đ trong giấy nợ ngày 13/01/2017 là bao gồm khoản vay 100.000.000đ, lãi suất 2%/tháng mà ông Q

vay giùm cho bà H vào tháng 10/2016 và khoản tiền 50.000.000đ bà H vay vào ngày 13/01/2017, lãi suất 3%/tháng. Ông Q đã ký giấy bảo lãnh liên đới trách nhiệm trả nợ thì phải trả nợ thay cho bà H khi bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Kháng cáo của ông Q được thực hiện đúng thủ tục luật định, nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung vụ án: Giấy vay tiền ngày 13/01/2017 thể hiện bà H có vay của bà O số tiền 150.000.000đ, thỏa thuận trả làm 03 lần và cam đoan nếu sai hạn thì vợ chồng bà H hoàn toàn chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, đến ngày trả thì bà H không trả mà đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Việc bà H, ông H1 bỏ trốn khỏi nơi cư trú mà không thông báo cho bà O là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vắng mặt bà H, ông H1 là có cơ sở. Ông Q thừa nhận đã ký vào giấy bảo lãnh với trách nhiệm liên đới và cho rằng chỉ có trách nhiệm đôn đốc bà H trả nợ nhưng không căn cứ chứng minh. Do đó, có căn cứ xác định ông Q đã bảo lãnh cho bà H vay tiền và đồng ý nếu bà H sai hạn thì ông có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả tiền. Nay bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn trả nợ theo thỏa thuận, nên ông Q phải có nghĩa vụ thực hiện trách nhiệm bảo lãnh. Tuy nhiên, ông Q không ký bảo lãnh với nghĩa vụ trả thay mà là liên đới trả nợ. Bà O không khởi kiện yêu cầu ông Q liên đới cùng vợ chồng bà H trả nợ mà chỉ yêu cầu ông Q trả nợ và Tòa án cấp sơ thẩm cũng chỉ buộc ông Q thanh toán nợ là chưa đúng với trách nhiệm bảo lãnh mà ông Q đã ký làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Q. Mặt khác, giấy vay tiền thể hiện bà H cam đoan nếu sai thì vợ chồng bà H hoàn toàn chịu trách nhiệm, nhưng bà O không khởi kiện vợ chồng bà H, để có cơ sở xác định vợ chồng bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà O như thế nào, làm cơ sở xác định trách nhiệm bảo lãnh của ông Q. Giấy vay tiền cũng không thể hiện vay có lãi nhưng bà O và ông Q đều thừa nhận là vay có lãi. Tuy nhiên, do chưa giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay giữa bà H với bà O, nên cấp sơ thẩm chưa thu thập ý kiến của bà H về lãi, nên chưa thể xác định về lãi khi cho vay. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ những nội dung trên mà giải quyết buộc ông Q phải trả nợ thay cho bà H về tiền gốc và lãi là chưa đảm bảo quyền lợi của ông Q. Kháng cáo của ông Q là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về Tố tụng:

Căn cứ các xác nhận của công an xã N, huyện T (ngày 21/6/2018 và ngày 05/4/2019) thì bà H, ông H1 đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, hiện không rõ địa chỉ cư trú mới. Theo nội dung Giấy vay tiền ngày 13/01/2017 thì bà H, ông H1 có nghĩa vụ trả nợ cho bà O lần đầu vào tháng 7/2017, lần cuối là tháng 11/2017, nên việc bà H, ông H1 bỏ đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho bà O (theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015), được coi là cố tình giấu địa chỉ (theo quy định tại điểm e

*khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*), nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H, ông H1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét kháng cáo của ông Phạm Minh Q, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q và bà O đều thừa nhận trong Giấy vay tiền lập ngày 13/01/2017 về việc bà H vay của bà O số tiền 150.000.000đ đã có số tiền 100.000.000đ mà ông Q vay giùm cho bà H vào tháng 10/2016, tổng cộng là 150.000.000đ, thời hạn trả chia làm 03 lần (*lần đầu cách thời hạn vay 06 tháng sẽ trả bớt 50.000.000đ, 02 tháng tiếp theo trả tiếp 50.000.000đ, 02 tháng tiếp theo trả 50.000.000đ còn lại*). Tại phiên tòa phúc thẩm, bà O và ông Q đều thừa nhận là bà H vay có lãi, nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay có lãi, các bên không thống nhất mức lãi suất nên lãi suất sẽ tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo nội dung Giấy bảo lãnh ngày 13/01/2017 thì ông Q đã ký bảo lãnh với nội dung *“Tôi tên Phạm Minh Q. SN: 1966. CMND: 300517411. Hiện công tác tại BV X xin bảo lãnh số tiền trên. Nếu sai hẹn tôi có trách nhiệm liên đới”*. Do đó, có căn cứ xác định ông Q đã bảo lãnh cho bà H vay tổng số tiền 150.000.000đ từ bà O. Theo quy định tại khoản 1 Điều 335 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: *“Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ”*. Do đó, khi đến hạn trả nợ lần đầu vào tháng 7/2017 mà bà H (*bên được bảo lãnh*) không trả được nợ cho bà O như cam kết thì đã phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh của ông Q (*bên bảo lãnh*) về việc phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ trả nợ là bà H. Bà O khởi kiện yêu cầu ông Q phải thực nghĩa vụ bảo lãnh với lý do đến hạn trả nợ mà bà H không trả được nợ là đúng theo thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật về bảo lãnh. Án sơ thẩm xử buộc ông Q phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả khoản tiền nợ gốc và nợ lãi mà bà H có nghĩa vụ trả cho bà O là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông Q kháng cáo cho rằng ông chỉ bảo lãnh với trách nhiệm đôn đốc, nhắc nhở bà H trả nợ cho bà O nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nội dung bảo lãnh này, trong khi giấy bảo lãnh thể hiện ông bảo lãnh số tiền trên và nếu sai hẹn ông có trách nhiệm liên đới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Q.

[2.2] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc hủy án là không cần thiết vì nghĩa vụ của bên bảo lãnh đã được quy định rõ tại khoản 1 Điều 335 Bộ luật Dân sự năm 2015. Về lãi suất cũng đã được bà O và ông Q thừa nhận việc bà O cho bà H vay tiền là vay có lãi. Mặt khác, người bảo lãnh sau khi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cũng có quyền yêu cầu người được bảo lãnh trả lại phần nghĩa vụ mình đã thực hiện theo quy định tại Điều 340 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên cũng không có ảnh hưởng gì đến quyền lợi của ông Q.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Minh Q phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Minh Q.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Minh Q phải chịu 300.000đ. Chuyển số tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002318 ngày 17/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An sang thi hành án phí phúc thẩm, nên ông Q không phải nộp tiếp.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND TP Tân An;
- Chi cục THADS TP Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Văn Khánh**